

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-KCNĐN ngày 10/10/2023 của Ban Quản lý các KCN về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,...) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất ghế sofa các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm (tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng 9.452 m<sup>2</sup>); sản xuất nệm ghế các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm - giai đoạn 1; cho thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ với diện tích 4.000 m<sup>2</sup>” của Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;*

*Theo văn bản số 4314/KCNĐN-MT ngày 01/11/2023 của Ban Quản lý các KCN về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam tại văn bản số 02/CV-FURNITECH ngày 10/11/2023 về việc giải trình, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của giai đoạn 01 của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,...) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất ghế sofa các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm (tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng 9.452 m<sup>2</sup>); sản xuất nệm ghế các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm” tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,...) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất ghế sofa các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm (tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng 9.452 m<sup>2</sup>); sản xuất nệm ghế các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600691668 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29/6/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2186828750 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 04/8/2004, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 08/5/2023.

1.4. Mã số thuế: 3600691668.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng; sản xuất ghế sofa; sản xuất nệm ghế; cho thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của cơ sở 22.523 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Nhóm B, phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Theo tiêu chí môi trường, thuộc “Dự án đầu tư nhóm II” quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất giai đoạn 1:

+ Sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,...) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm;

+ Cho thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ với diện tích 4.000 m<sup>2</sup>.

- Quy trình sản xuất giai đoạn 1:

*Các chi tiết gỗ đã được gia công hoàn thiện → Lắp ráp các chi tiết → Phun sơn, phun bóng → (1); (2)*

(1) → Đóng gói → Xuất hàng.

(2) → Kiểm tra dặm màu → Phun bóng → Đóng gói → Xuất hàng.

Cơ sở sử dụng sơn gốc nước, không sử dụng dung môi.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 5 tháng 12 năm 2023 đến ngày 5 tháng 12 năm 2033).

Giấy phép môi trường số 153/GPMT-UBND ngày 26/7/2022 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho giai đoạn 1 của dự án “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,...) và sản xuất ghế sofa các loại; sản xuất nệm ghế các loại” tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I,

xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (thực hiện);
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT).

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 163/GPMT -KCNDN ngày 5 / 12 / 2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I tại hố ga số 2 trên đường số 2 của KCN để tiếp tục xử lý.

- Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO (là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I và là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I) theo Hợp đồng số 62/HĐ-CT ngày 10/8/2018.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

###### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà nghỉ chuyên gia, nhà bảo vệ được dẫn về 2 bể tự hoại tổng thể tích 35 m<sup>3</sup> (01 bể 30 m<sup>3</sup> tại nhà nghỉ chuyên gia, nhà vệ sinh công nhân và 01 bể 5 m<sup>3</sup> tại nhà bảo vệ) bằng đường ống nhựa uPVC có đường kính 100-150mm và 200-250mm. Sau đó nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC đường kính 200mm đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I tại 01 hố ga số 01 trên đường số 2 của KCN.

###### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 02 bể tự hoại tổng thể tích 35 m<sup>3</sup>.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

###### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang

đi xử lý đúng quy định.

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí).

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I theo hợp đồng giữa Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Bố trí hồ ga đảm bảo công tác giám sát nước thải đối với đơn vị thuê nhà xưởng. Đơn vị thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm ký hợp đồng xử lý nước thải trực tiếp với hạ tầng KCN Nhơn Trạch I.

3.6. Đơn vị thuê lại nhà xưởng thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

**PHỤ LỤC 2**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 163/GPMT -KCNDN ngày 5 / 12 / 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Nguồn số 02: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải: *(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45, múi chiều 3°)*

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 12.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1.206.487; Y=418.305

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1.206.485; Y=418.318

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: lưu lượng 27.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức, chế độ xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K<sub>v</sub>=0,8 và K<sub>q</sub>=0,9), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01, 02</b>			Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	144		
3	<i>Các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 19: 2009/BTNMT đạt QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, K<sub>v</sub> = 0,8; K<sub>p</sub> = 0,9).</i>				

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,8$  và  $K_p = 0,9$  ứng với tổng lưu lượng khí thải  $27.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).

(2) Công ty có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi sơn được xử lý qua 2 lớp màng lọc bằng sợi thủy tinh, bụi sau xử lý sẽ được thu gom qua 4 ống dẫn nhánh  $\Phi 150$  với tổng chiều dài hệ thống thu gom khoảng 4m, sau đó gom về ống thoát khí thải trung tâm  $\Phi 500$  theo quạt hút thải ra môi trường với tổng chiều dài ống thu gom chính và ống thoát khí thải khoảng 11m.

- Nguồn số 02: Bụi sơn được xử lý qua 2 lớp màng lọc bằng sợi thủy tinh, bụi sau xử lý sẽ được thu gom qua 5 ống dẫn nhánh  $\Phi 150$  với tổng chiều dài hệ thống thu gom khoảng 5 m, sau đó gom về ống thoát khí thải trung tâm  $\Phi 500$  theo quạt hút thải ra môi trường với tổng chiều dài ống thu gom chính và ống thoát khí thải khoảng 14m.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

##### 1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01: 01 hệ thống xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi sơn* → *Màng lọc 01* → *Màng lọc 02* → *Hệ thống quạt* → *Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế:  $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Màng lọc sợi thủy tinh.

##### 1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 02: 01 hệ thống xử lý

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi sơn* → *Màng lọc 01* → *Màng lọc 02* → *Hệ thống quạt* → *Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế:  $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Màng lọc sợi thủy tinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:



- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải..

3.3. Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B;  $K_v = 0,8$ ;  $K_p = 0,9$ ). Không được xả bụi, khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 163GPMT -KCNDN ngày 5 /12 /2023  
của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

Khối lượng phát sinh dự kiến: 2.392 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	NH	Rắn	12
2	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	KS	Rắn/Lỏng	1.000
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại: giẻ lau, tấm lọc sợi thủy tinh lẫn bụi sơn	18 02 01	KS	Rắn	700
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	Rắn	500
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	180
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>2.392</b>

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng phát sinh dự kiến: 6.455 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Nguyên liệu gỗ hư hỏng từ quá trình lắp ráp các sản phẩm (không nhiễm thành phần nguy hại)	11 02 02	TT-R	Rắn	5.000
2	Vải vụn, chỉ vụn, da vụn	-	TT	Rắn	200
3	Giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	TT	Rắn	50
4	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	TT	Rắn	5
5	Bùn thải từ bể tự hoại	10 02 09	TT	Bùn	1.200
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>6.455</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng phát sinh dự kiến: 1,5 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1,5
<b>Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)</b>		<b>1,5</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 120 – 240 lít, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 40 m<sup>2</sup>.

- Vị trí: nằm cạnh nhà xưởng số 3.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Thiết kế có tường tôn bao kín, đảm bảo che nắng, che mưa, tránh gió và nền bê tông đảm bảo không

ngập lụt. Có gờ chống tràn để ngăn CTNH dạng lỏng nếu bị chảy tràn và đảm bảo không để rò rỉ, đổ tràn ra ngoài kho. Có dán nhãn mã CTNH tương ứng đối với từng loại CTNH. Ngoài ra, kho CTNH còn được trang bị: thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng, biển dấu hiệu cảnh báo được treo ở bên ngoài kho.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 30 m<sup>2</sup>.
- Vị trí: nằm cạnh nhà xưởng số 3.
- Kết cấu kho chứa: Thiết kế có mái che, tường bao quanh, nền bê tông đảm bảo không ngập lụt, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m<sup>2</sup>.
- Vị trí: nằm cạnh nhà xưởng số 3.
- Khu vực lưu chứa rác tập trung: Thiết kế có mái che, tường bao quanh, nền bê tông đảm bảo không ngập lụt, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

## PHỤ LỤC 4

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 163GPMT -KCNDN ngày 5 / 12 /2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Tiếp tục triển khai, đầu tư đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường của các giai đoạn tiếp theo của cơ sở và lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho từng giai đoạn đầu tư của dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời

tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI**